TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2017/DS-PT
Ngày: 21 - 12 -2017
V/v tranh chấp "Di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Xuân Long

Bà Võ Thị Thu Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 21 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2017/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 360/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Mỹ H, sinh năm: 2001; Địa chỉ: số S, đường T, phường A, thành phố M, Tiền Giang. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của chị H: Chị Nguyễn Thị T (mẹ ruột chị H), sinh năm: 1971; Địa chỉ: số P, Xóm Đ, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: bà Đoàn Thanh T – Luật sư, công tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Bà Phạm Thị H1, sinh năm: 1954; Địa chỉ: số X, đường T, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Phạm Văn H2, sinh năm: 1954; Địa chỉ: số S, đường T, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông H2: Bà Phạm Thị H1, sinh năm: 1954; (theo văn bản ủy quyền ngày 28/9/2013) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H2, bà H1: Luật sư Nguyễn Văn T - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Quốc S, sinh năm 1969; Địa chỉ: số S, đường T, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Thị H1, ông Phạm Văn H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H và đại diện hợp pháp của chị H là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Phạm Thị Mỹ H là con Phạm Quốc T và Nguyễn Thị T. Ông T và bà T kết hôn năm 2000, ngày 18/10/2010 ông T và bà T ly hôn. Ngày 16/12/2012 ông T chết, tài sản để lại gồm: Căn nhà số S, đường T, Phường A, thành phố M và 01 xe môtô biển số 63X1 – 1375. Sau khi ông T chết, bà Phạm Thị H1 quản lý toàn bộ tài sản trên vì bà H1 cho rằng ông T có lập di chúc giao toàn bộ tài sản trên cho bà H1 và ông H2. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên di chúc ngày 21/10/2011 là vô hiệu; yêu cầu được hưởng 2/3 di sản do ông T chết để lại và được nhận nhà số S, đường T, Phường A để ở. Ngày 18/9/2013 chị H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà H1 và ông H2 giao chiếc xe Wave biển số 63X1 – 1375 cho chị sở hữu sử dụng.

- Bị đơn bà Phạm Thị H1, ông Phạm Văn H2 trình bày:

Bà H1 là chị ruột của ông Phạm Quốc T, ông T có vợ là bà Nguyễn Thị T và đã ly hôn vào năm 2010, khi ly hôn con chung của ông T và bà T là Phạm Thị Mỹ H sống với ông T. Ông T là thương binh 2/4, bị cụt chân, năm 2012 bị tai biến và chết. Do khi bà T bỏ ông T đi, thì bà H1 - ông Phạm Văn H2 (anh ruột ông T) là người phụ ông T nuôi cháu H, chăm sóc cho ông T nên ông T có lập di chúc để lại nhà và đất số S, đường T, phường A, thành phố M; 01 xe moto biển số 63X1 – 1375 cho bà H1 và ông H2, vì vậy bà H1 và ông H2 không đồng ý với yêu cầu của cháu H. Ngoài ra, khi ông T chết thì bà T có lấy đi một số tài sản gồm: 01 máy giặt hiệu Sanyo, 01 tủ lạnh Sanyo, 01 tivi 21 inch và 01 đầu đĩa, đối với các tài sản trên thì bà H1 và ông H2 không có ý kiến.

Bà H1 trình bày: Cha mẹ đẻ của chị em bà là: ông Phạm Tấn B, sinh năm 1932 – chết năm 1979. Và bà Trương Thị C, sinh năm 1932 – chết năm 1977. Ngoài ra ông T không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, sau khi ly hôn bà T thì ông T không có vợ khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc S trình bày:

Ông S là em ông T, ở chung nhà với ông T, sau khi ông T chết thì ông S đi làm công quả cho các chùa không ở nhà, về việc tranh chấp nhà số S, đường T, phường A, thành phố M thì ông S không có ý kiến gì, đồng ý để bà H1 nhận theo di chúc của ông T. Ngoài ra, khi xây dựng nhà số S, đường T thì ông S có bỏ tiền phụ xây dựng nhưng không nhớ là bao nhiêu và cũng không yêu cầu gì. Đồng thời, ông S yêu cầu được vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử tại Tòa án.

- Bản án sơ thẩm số: 127/2017/DS-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 631, Điều 636, Điều 639, Điều 645, Điều 646, Điều 652, Điều 669, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều, Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ H.

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về di sản thừa kế của Phạm Quốc T gồm: quyền sử dụng phần đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có Hồ sơ gốc số 6637 ngày 10/12/1999 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Phạm Quốc T; 01 xe môtô biển số 63X1 – 1375 theo Giấy đăng ký môtô, xe máy số 0069143 ngày 23/01/2007 của Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Tiền Giang cấp cho chủ xe tên Phạm Quốc T.

Ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Quốc T là Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 05/3/2001.

2. Công nhận "Bản di chúc" ngày 21/10/2011 do ông Phạm Quốc T lập tại Văn phòng Công chứng L tỉnh Tiền Giang là hợp pháp.

3. Chia di sản thừa kế của ông T cho Phạm Thị Mỹ H bằng 2/3 suất thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc vào di chúc, cụ thể: Chị H được chia quyền sở hữu căn nhà gắn liền phần diện tích đất ở diện tích 30,15m^2 có địa chỉ số S, đường T – Phường A – thành phố M – tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có Hồ sơ gốc số 6637 ngày 10/12/1999 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Phạm Quốc T.

Buộc bà H1 và ông H2 có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị T, là người đại diện theo pháp luật của Phạm Thị Mỹ H quyền quản lý sử dụng căn nhà và phần đất được chia (là căn nhà gắn liền phần diện tích đất ở diện tích 30,15m^2 có địa chỉ số S, đường T – Phường A – thành phố M – tỉnh Tiền Giang), cho đến khi chị Phạm Thị Mỹ H đủ tuổi thì bà T giao lại cho chị H sở hữu. Khi đó, chị Phạm Thị Mỹ H được quyền liên hệ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đứng tên nhà và đất được chia theo qui định.

Thời hạn bà H, ông H giao nhà, đất được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Chia di sản thừa kế của ông T cho bà Phạm Thị H1 và ông Phạm Văn H2 là giá trị 1/3 suất thừa kế còn lại, cụ thể:

Chị Phạm Thị Mỹ H (đại diện là bà Nguyễn Thị T) có nghĩa vụ giao lại cho bà H1 và ông H2 số tiền trị giá 1/3 phần di sản được hưởng là 51.943.225 đồng (năm mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà H1, ông H2 được sở hữu xe môtô hiệu Wave biển số 63X1 – 1375 có số khung 09087Y003477 – số máy C09E-0723492 theo giấy Đăng ký môtô, xe máy ngày 13/01/2007 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Phạm Quốc T; Bà H1, ông H2 được liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại Giấy đăng ký môtô, xe máy theo qui định.

Kể từ ngày bà H1, ông H2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H (đại diện là bà T) chậm giao trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

5. Về án phí:

Chị H (đại diện là bà T) chịu 5.644.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai số 0027587 ngày 21/6/2013 và 125.000 đồng theo biên lai số 0028441 ngày 03/3/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M; Chị H còn phải nộp 4.769.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H1, ông H2 cùng chịu 2.822.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 18/9/2017, bị đơn bà Phạm Thị H1, ông Phạm Văn H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu cho bà H1, ông H2 được hưởng trọn vẹn căn nhà và đất của Phạm Quốc T chết để lại theo di chúc ngày 21/01/2011. Bà H1, ông H2 tự nguyện chia lại cho chị H được hưởng 1/3 giá trị tài sản này.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông T, yêu cầu được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của ông T, đồng ý chia lại cho chị H 1/3 giá trị.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn lập luận cho rằng: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật, không đúng sự thật, không phù hợp thực tế, trái với ý chí và tâm nguyện của ông T. Ông T chết di chúc để lại toàn bộ di sản cho ông H2, bà H1. Án sơ thẩm chia cho chị H 2/3 một suất thừa kế theo luật là không có cơ sở, làm thiệt thòi quyền lợi của ông H2, bà H1. Ông H2, bà H1 yêu cầu được quản lý, sở hữu di sản của ông T. Đồng thời, đồng ý chia cho chị H 1/3 giá trị di sản thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H2, bà H1, sửa bản án sơ thẩm.

- Chị T không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn lập luận cho rằng: Ông T chết di chúc để lại di sản cho ông H2, bà H1. Chị H là con chưa

thành niên, thuộc hàng thừa kế duy nhất của ông T, nên án sơ thẩm chia cho chị H 2/3 một suất thừa kế theo luật là có cơ sở. Hiện nay, chị H không có nhà ở, nên cấp sơ thẩm giao nhà cho chị H sở hữu (do chị T làm giám hộ) và hoàn lại 1/3 giá trị suất thừa kế cho ông H2, bà H1 là có cơ sở. Ông H2, bà H1 kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào khác chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H2, bà H1, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Án sơ thẩm xử chia cho chị H 2/3 một suất thừa kế, đồng thời giao nhà đất cho chị H quản lý sử dụng, sở hữu và hoàn 1/3 giá trị suất thừa kế cho ông H2, bà H1 là có cơ sở. Phía ông H2, bà H1 không cung cấp thêm chứng cứ nào khác chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quốc S vắng mặt. Việc vắng mặt của anh S không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự trên là phù hợp Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn H2 và bà Phạm Thị H1, Hội đồng xét xử thấy rằng: ông Phạm Quốc T, chết ngày 16/12/2012, có lập di chúc ngày 21/10/2011 để lại nhà và đất số S, đường T, phường A, thành phố M và 01 xe môtô hiệu Wave biển số 63X1 – 1375 cho bà H1, ông H2. Ông T có vợ là bà Nguyễn Thị T đã ly hôn năm 2010 trước khi ông T lập di chúc. Ông T có 01 con chung với bà T là Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 05/3/2001, là hàng thừa kế thứ nhất duy nhất của ông T. Chị H khởi kiện yêu cầu chia 2/3 một suất thừa kế không phụ thuộc vào di chúc, vì chị H là con chưa thành niên. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là phù hợp Điều 669 Bộ luật Dân sự năm 2005. Xét thấy, bà H1, ông H2 đã có chổ ở ổn định, án sơ thẩm đã xem xét điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của chị H không có chổ ở, nên giao cho chị H di sản của ông T là đất và nhà gắn liền với đất địa chỉ số S, đường T, phường A, thành phố M và giao cho ông H2, bà H1 được quyền sở hữu, định đoạt di sản của ông T là xe môtô hiệu Wave biển số 63X1 – 1375. Sau khi trừ nghĩa vụ thì chị H phải hoàn giá trị 1/3 một suất di sản thừa kế cho ông H2, bà H1 số tiền là 51.943.225 đồng là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà H1 không cung cấp thêm chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo hồ sơ vụ án, từ khi ông T chết (năm 2012) thì ông S đi làm công quả và ở tại chùa,

không còn ở tại căn nhà số S, đường T, phường A, thành phố M, nhưng ông S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên. Án sơ thẩm có đưa ông S vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không tuyên buộc ông S có nghĩa vụ liên đới giao nhà và đất là thiếu sót, nhưng không nghiêm trọng nên cấp phúc thẩm sửa phần này, cần buộc ông S có nghĩa vụ liên đới giao nhà, đất cho phía nguyên đơn, nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần quyết định bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Luật sư phía bị đơn là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Ý kiến của Luật sư phía nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 631, Điều 636, Điều 639, Điều 645, Điều 646, Điều 652, Điều 669, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều, Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn H2 và bà Phạm Thị H1.

Sửa bản án sơ thẩm số: 127/2017/DS-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ H.

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về di sản thừa kế của Phạm Quốc T gồm: quyền sử dụng phần đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có Hồ sơ gốc số 6637 ngày 10/12/1999 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Phạm Quốc T và 01 xe môtô biển số 63X1 – 1375 theo Giấy đăng ký môtô, xe máy số 0069143 ngày 23/01/2007 của Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Tiền Giang cấp cho chủ xe tên Phạm Quốc T.

Ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Quốc T là Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 05/3/2001.

2. Công nhận "Bản di chúc" ngày 21/10/2011 do ông Phạm Quốc T lập tại Văn phòng Công chứng L tỉnh Tiền Giang là hợp pháp.

3. Chia di sản thừa kế của ông T cho Phạm Thị Mỹ H bằng 2/3 suất thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc vào di chúc, cụ thể: Chị H được chia quyền sở hữu căn nhà gắn liền phần diện tích đất ở diện tích 30,15m^2 có địa chỉ số S, đường T, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có Hồ sơ gốc số 6637 ngày 10/12/1999 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Phạm Quốc T.

Buộc bà Phạm Thị H1, ông Phạm Văn H2 và ông Phạm Quốc S có nghĩa vụ liên đới giao cho bà Nguyễn Thị T, là người đại diện theo pháp luật của Phạm Thị Mỹ H quyền quản lý sử dụng căn nhà và phần đất được chia (là căn nhà gắn liền phần diện tích đất ở diện tích 30,15m^2 có địa chỉ số S, đường T, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) cho đến khi chị Phạm Thị Mỹ H đủ tuổi thì bà T giao lại cho chị H sở hữu. Khi đó, chị Phạm Thị Mỹ H được quyền liên hệ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đứng tên nhà và đất được chia theo qui định. (có sơ đồ đất kèm theo).

Thời hạn bà H1, ông H2 giao nhà, đất được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Chia di sản thừa kế của ông T cho bà Phạm Thị H1 và ông Phạm Văn H2 là giá trị 1/3 suất thừa kế còn lại, Cụ thể:

Chị Phạm Thị Mỹ H (đại diện là bà Nguyễn Thị T) có nghĩa vụ giao lại cho bà H1 và ông H2 số tiền trị giá 1/3 phần di sản được hưởng là 51.943.225 đồng *(năm mươi mốt triệu, chín trăm bốn mươi ba ngàn, hai trăm hai mươi lăm đồng)*. Thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà H1, ông H2 được sở hữu xe môtô hiệu Wave biển số 63X1 – 1375 có số khung 09087Y003477 – số máy C09E-0723492 theo giấy Đăng ký môtô, xe máy ngày 13/01/2007 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Phạm Quốc T. Bà H1, ông H2 được liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại Giấy đăng ký môtô, xe máy theo qui định.

Kể từ ngày bà H1, ông H2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H (đại diện là bà T) chậm giao trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

5. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị H (đại diện là bà T) có nghĩa vụ nộp số tiền 5.644.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai số 0027587 ngày 21/6/2013 và 125.000 đồng theo biên lai số 0028441 ngày 03/3/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, chị H còn phải nộp 4.769.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H1, ông H2 cùng có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 2.822.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông H2, bà H1 có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

32375 ngày 18/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 21/12/2017, có mặt bà T, bà H1, các đương sự còn lại vắng mặt.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp. M;
- Chi cục THADS Tp. M;
- Phòng KTNV & THA tỉnh TG
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2017-T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn